

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 14

TRONG PHẦN 10 CỦA CHƯƠNG II

(Chánh truyện có mười bốn vị, phụ có năm vị).

1- Truyện ngài Thích Trí Diễm trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

2- Truyện ngài Thích Đạo Cơ chùa Phước Thành ở Ích Châu, thời Tiền Đường (Tuệ Cảnh, Bảo Hoàng).

3- Truyện ngài Thích Đạo Tôn chùa Nhân thọ ở Bồ Châu, thời Tiền Đường (Đạo Khiêm).

4- Truyện ngài Thích Tuệ Quan chùa Sùng Nghĩa ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

5- Truyện ngài Thích Đạo Tông chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu, thời Tiền Đường.

6- Truyện ngài Thích Tam Tuệ chùa Linh Hóa ở Kinh đô, thời Tiền Đường.

7- Truyện ngài Thích Tuệ Quân chùa Thông Huyền ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

8- Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu, thời Tiền Đường.

9- Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí tướng ở núi Chung Nam, thời Tiền Đường (Trí Hiện).

10- Truyện ngài Thích Tuệ Lăng chùa Tử Kim ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

11- Truyện ngài Thích Trí Bạt chùa Thường Tế ở Tương Châu, thời Tiền Đường.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Du chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu, thời Tiền Đường.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Trì chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

14- Truyện ngài Thích Trí Khải chùa Cát Tường ở Việt Châu, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Trí Diễm ở núi Võ Khâu tại Tô Châu:

Thích Trí Diễm, tự là Minh án, họ Chu, người ở Quận Ngô. Ông nội Sư tên là Hiến, làm Viên ngoại tán kỵ thị lang thời nhà Lương. Cha của Sư tên là Mân, làm quan thời nhà Trần. Sư thác chất từ Hoa tông, ứng sinh quán Đức. Mẹ của Sư họ Trương. Ngày mới mang thai Sư, Bà mộng thấy bay lên tháp chùa Thông Huyền, ngồi trên tướng luân, xa nhìn thấy đến hư không mà chẳng tỏ vẻ kinh sợ. Đó là điềm lành của bậc Đắc Đạo siêu sinh, là ứng hiện đặc biệt của bậc nhân sư vô thượng. Là biết hai vầng ánh sáng nhập thai. Hai rồng kê gối chẳng kịp. Sau khi sinh, Sư liền có tướng khác với các trẻ khác, khí tú tâm trinh, hình tướng dễ xem.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp Sư Cừ ở chùa Thông Huyền làm đệ tử, nâng giày mang y, cung kính hầu hạ chẳng biếng lười, rót bình cầm gáo, học Đạo càng siêng năng. Năm mười hai tuổi, Sư tụng thông một Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Các hàng minh ngộ nghe xét đều gọi Sư là Thần Đồng. Sư bèn tự tư duy rằng: “Đông đúc nơi kinh áp, bốn phương là khuôn phép, vì sao lâu dài bó buộc vùi lấp trong giếng ư?” Khi đó Sư vừa mười sáu tuổi bèn đến Thành đô, nghe Pháp sư Trì ở chùa Báo Ân giảng Luận Thành Thật, thông tuệ sớm thành, trí sâu mở phát, nên được điều chấn dĩnh ngộ vượt trội, về sau không có người thứ hai. Gặp lúc Trì Công đi về phương Nam nên pháp diên thôi nghỉ. Nhân đó Sư trở về quê hầu hạ cha mẹ, Sư liền ở chùa cũ khai giảng kinh pháp, phong điệp cao vợi, Sư biện đối như dòng chảy. Năm mười chín tuổi, mọi người đều ngợi khen Sư là Niên thiếu tuấn tú. Năm sau, Sư trở lại kinh đô nương theo Pháp sư Diên ở chùa Thái Hoàng tấn đàn thọ giới cụ túc, bình đức Bát-nghi, sâu giữ gìn gốc giới. Có Pháp sư Tước ở chùa Đại Trang Nghiêm là bậc Đức trọng vang khắp Tung nguyên, danh cao trùm cả thế gian. Sư bèn đến nương theo học Đạo, nghiên cứu lại tâm thật. Đắc ý vui lòng, công phu do đó càng thêm gấp bội, thật là ngựa giỏi lại gặp được người tài chẵn dất!

Niên hiệu Chí Đức thứ ba (585) đời Trần, Nhân Vương nhóm họp trăm sư trăm tòa, đua nhau đua nhau giảng nói biện tài của Thiên khẩu, đốt ngàn ngọn đèn suốt bảy đêm, tranh giành chiếc bẻ sự vi diệu của Động thân. Lúc đó, Sư hai mươi hai tuổi, đem hình chất anh thiếu tham dự với các bậc kỳ Đức, thông tình thì cao xung chiết phục căn cơ, dù

cho gặp nạn cũng xe lớn tháo trục. Hoàng thượng mừng vui khen ngợi, trăm quan ngợi khen tôn xưng. Mọi người đều quý mến Sư về lành lợi, nhạy bén. Sư thường cho rằng người đời ồn ào lẫn lộn, nên muốn nương gá nơi vắng lặng thanh khoáng. Gặp lúc thời vận nhà Trần suy sụp, Sư bèn lo việc trở về phương Đông, dứt vết ở núi Võ Khâu, gần ba mươi năm nương gá núi hang, mặc tình ba nghiệm mà an nhàn, mức nước khe suối uống dùng, đắp mặc vỏ cây thông che thân, giữ bốn oai nghi mà yên ở. Tuy ẩn nấu hình hài mà tiếng tăm vang xa, cũng là Đạo ngầm mà hóa hợp. Do đó, khắp tám phương đều quy ngưỡng, bốn bộ thầy có tâm chí thành. Thượng thư lệnh Sở Quốc Công Dương Tố là người đọc văn ngang Võ, Vương tả Quốc quân, nương quý cậy tài, không hề được mọi người ưa mến, hành quân đến Hoài Hải, nghe tiếng Sư đạo hạnh tốt đẹp đang nương nấu ở núi, bèn khua nao đến Lũng, nghiêng lòng tiếp thừa tôn nhan năm vóc gieo sát đất đầu thành đánh lễ, tự buồn vì được tiếp tức muện màng. Tả Bộc Xạ Bi Quốc Công Tô Oai, là người kính trọng Đạo, mến ái nhân từ, càng thường phóng khoáng, vâng đi sứ ở Ngô Việt, đích thân đến Sơn Doanh, trông thấy dung mạo, nghe tiếng nói của Sư mà kiển thành lễ bái, mừng vui hơn hở. Vua Dương trấn giữ, thỉnh mời những bậc tài giỏi, xa nhóm họp các vị Hiền Minh. Sư đã là người Đạo lớn danh cao, giáo thư đem đến, thì lo nghĩ khiến như thế sẽ mang tội, than trách vì mình mà lụy đến người. Sư bèn đắp y ra khỏi hang môn kính hậu lễ, nhân lấy cơ bệnh mà từ chối nên được trở về chốn núi cũ. Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) đời Tùy từ xa khâm trọng, bèn ban chiếu thư thăm hỏi. Gặp lúc nhà Tùy từ xa khâm trọng, bèn ban chiếu thư thăm hỏi. Như ánh sáng có lúc tắt mất, mũi nhọn bị sắt vọt bay lên cao, khắp bốn biển đều tề tạc, ba ngò càng rất lắm. Con em Đan Việt nghinh thỉnh Sư ra Tỳ-đàm, trước sau có đến mười năm. Sư hoàng hóa tại Đế Đô.

Đến thời đại nhà Tiền Đường ngự trị thiên hạ, Sư được trở về chỗ ở cũ. Niên hiệu Võ Đức thứ bảy (627) thời Tiền Đường, Tô Châu Tổng Quản Võ Dương Công Lý Thế Gia nội ngoại công tư đồng cùng kính thỉnh Sư về lại chùa núi. Từ đó, khách thiền, bạn tuệ trở lại như thời xưa cũ, ao rộng rừng phụng kính tin làm hoài bão vui mừng. Nhưng đối với Sư thì tự tha đều chuyển hóa, được lia cùng tu. Ngoài việc giảng niệm, Sư thường hành trì các nghi thức sám hối theo các Kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, Phổ Hiền, v.v... Sư lại trì tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn biến, cảm ứng điềm lành thâm lặng, chẳng phải một. Nửa đêm lò hương chưa đốt mà tự bốc khói thơm, lúc tối gàu mức nước rỗng không

lại ngâm thêm đầy nước.

Sư lại phát nguyện cầu sinh Tịnh Độ, tạo lập tôn tượng Đức Phật A-di-đà, thực hành ba pháp Tịnh nghiệp, tu trì mười sáu pháp quán, cùng các Đàn Việt trong châu quận hơn năm trăm người. Mỗi tháng một kỳ nhóm họp thiết lập trai hội giảng quán, thắp vệt Luân tướng cũng hơn mười năm, cùng với Đài Bát-nhã nội giúp tục sơn âm chung phát thệ nguyện đồng thời kỳ, vì sao cho là khác? Sau, Sư thị hiện tướng bệnh chùng mười ngày thì thị tịch. Khi đó, Sư dạy răn với từ tâm tha thiết, đại chúng buồn khóc, lúc đó là sáng sớm ngày mười một tháng mười niên hiệu Trinh quán thứ tám (634) thời Tiền Đường. Sư thị tịch tại chùa, thuộc phía Đông núi Võ Khâu, thọ bảy mươi mốt tuổi. Qua đến ngày hai mươi hai tháng mười, an táng tại đỉnh núi phía Nam của chùa. Xa gần mọi người cùng kéo đến, kẻ tặng người tục đều nhóm họp, hoa hương tung rải tán loạn giữa đồng trống, tiếng khóc gào buồn thương như mây sấm, từ đầu đến cuối cùng sao lại quá như vậy.

Từ thuở nhỏ, Sư vốn nghiêm trang, lập tánh đoan nghiêm, tiết tháo tinh thành, khổ tiết càng siêng năng. Miệng xa lìa các mùi vị tạp, mỗi ngày không ăn hai bữa. Lý phi nghĩa chẳng bèn, lời phi pháp chẳng nói. Dung mạo khôi ngô, vượt hẳn ngoài chúng, tướng bờ sữa sang nghiêm túc, lòng lạnh như băng tuyết. Ở đời Trần có Lâm Hải Vương là con của Pháp Sư Đạo An, nhằm chán thế tục mà xuất gia, thông hiểu giáo điển nội ngoại. Có Sa-môn Biện Tri có sở học giỏi về Tịnh nghiệp. Sư kết bạn giao du với hai vị đó, người đương thời gọi là Tam Anh (ba người tài giỏi). Đến lúc Sư tĩn chí ở chốn suối rừng, dứt bật người đời, phong thái tốt lành khiến thành Đức, đường lối hẹp tất thành khuôn phép, ai cũng xoay cở tìm đến núi, gần gũi truyền tỏa hương pháp. Tin triều tông của Pháp Hải, rường cột của Thích môn. Sư giảng các Kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Duy-ma mỗi bộ ba mươi biến, giảng Quán Kinh một trăm mười biến. Có Sa-môn Pháp Tuyên chùa Hoàng Nghiệp ở Thường Châu nói rằng: “Tôi và Pháp Sư xưa đồng ở Kinh huyện, quen với Đạo Hoa niên, nay tiếp khéo gần, thuần giao với tuổi già. Tuy vui mừng được nường cây Quế, hoặc sai lầm mà bẻ gai tặng chẳng để sót. Tưởng dung mạo trang nghiêm như hiện còn, buồn âm ba Đức hạnh đã vắng lặng. Thẹn bày văn nơi sắc ty, trọn gửi lời nơi Đá trắng!” Bèn cùng Sa-môn Trí Phong là chủ chùa, v.v... cùng dựng văn bia, hiện còn ở tại chùa.

2- Truyện ngài Thích Đạo Cơ chùa Phước Thành ở Ích Châu:

Thích Đạo Cơ, họ Lã, người ở xứ Đông Bình thuộc Hà Nam. Sư

vốn vượt trội, mới sinh mà đã nhận biết, tiếng tăm nêu cao. Năm mười bốn tuổi, Sư mang kinh sách đến Bành Thành, rộng nghe các Pháp sư giảng đạo, tùy chỗ nghe kết thành đức, thảo luận yếu chỉ sâu mầu thì hiểu ngộ trước lời, vạch bày mới lạ, nghĩ vượt ngoài Văn. Nên Từ Hứa tăng bốc minh lược ấy, Hà Hải quý trọng nghĩa phương ấy, làm cho đồng bạn suy cao trước tu ngưỡng chỉ.

Ở đời Trần, có Thái úy Thượng thư lệnh Dương Tố mang tài qua nước, cầm nắm tất cả quyền hành, thường kính phụng đạo sáng, đích thân lễ bái, giảng nói mạng lý, nghẹn ngào than thở, ngoái nhìn lại các Tể Bá mà bảo rằng: “Pháp Sư Đạo Cơ, Phật Pháp sau này sẽ gởi gắm nơi vị ấy. Thấy các bậc Danh Tăng ít ai sánh bằng!” Bèn thỉnh Sư đến Đông Đô, giảng nói Tâm luận. Đã sớm nường phong giá thể, dự đáng rộng rãi, du nhận các bộ, Huyền cơ nêu rõ, bèn có thể đàm rót nghiêng sông, tiếng vang đối như sấm động.

Bấy giờ, vào những năm đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) thời vận nhà Tùy đang tụ hội hưng thịnh. Các hàng nghĩa học cao ngang cùng mây gió, tấn thân đứng sánh với sơn nhạc, đều mang kinh đến trường giảng, hỏi Đạo biết chỗ trở về. Nối gót Võ cùng rảo bước, xa gần nối nhau đông đúc. Sư bèn biên tập Tạp Tâm Huyền Chương và sao thành tám quyển, hai pho Đại tiểu do đó được cùng truyền bá, thành được các môn, từ xưa cùng dẫn dắt, đều sắp bày theo thứ lớp, văn từ bay vút sáng giữa trời. Dẫn kéo đầu mối, áp nén tuyên dương, khôn phép vượt hẳn xưa trước. Từ đó, khắp bốn biển nêu lãnh hưng thịnh, kết tụ nơi đạo tràng Tuệ Nhật, đều trông hơi khí, Sư Chỉ đường biết trở lại. Vì Sư về vang bao trùm ngoài trông mong, phong nhã tràn khắp trong Hoàn vũ.

Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609) thời Tiền Đường, có sắc chiếu đến bảo đình chỉ. Sư liền đối Dương Huyền luận, xứng hợp với tâm Vua. Tùy Hậu mở rộng, Huyền nho cũng quán xét họ Thích. Xe loan từ từ dời chuyển, kèn trống reo vang thả giữa đường. Ngự diên tạm dừng, đóng đô trong sạch ở Giáo môn. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến phương Đông, pháp tịch ấy rất hùng vĩ. Bấy giờ, những người bày biện đều khai mở linh dự. Lúc sắp lên pháp tòa, mỗi người đều là bậc anh hùng, mà giải mở có chỗ kết quy, đều kính vái Sư mà tôn xưng là Huyền Tể. Đã ở nơi chúng coi kinh luân là tâm, ngài tiện mở nêu cương lãnh rộng lớn, kể đến làm sáng ngời đức của vua. Trăm Quan Khanh Sĩ đều có ảnh hưởng lạ mà cùng ngợi khen. Đến lúc nhà Tùy suy sụp, giặc cướp nổi loạn khắp trung nguyên, cầu lễ khắp bốn xứ Man Di, Tuyên Ni có ý chỉ. Sư bèn Chấn Tích đến nam Trịnh, bày giáo

ở Tây Môn, từ đó, khắp Ba thực duyên theo khói bay mà đến đông đảo, không đâu chẳng mở sáng, sương mốc trong lành. Tà Chánh phân rành. Sư thuần xem Đại thừa, mở mang Nhiếp Luận, sửa đổi vết trước, biên tập các chỗ mất sót. Đạo xa đến ban đầu, Danh Cao khắp trong nước. Vì Đồ chúng nghe giảng khó tiếp nối. Người kế thừa Đạo nghiệp để mê lầm, Sư bèn biên tập Đại thừa Chương Sao tám quyển, đều là Văn từ đạt đến trong sáng cao xa, phong giáo thường thông. Nên người xem quyển dẫm thử như lên Long Môn. Tin Hồng tiếm có ngày, nên đến niên hiệu Trinh Quán (627...) Sư trở về Kinh đô, Chư tăng có tiếng tăm trong chùa viện, truyền chép rộng khắp, thật là phù hợp. Chỉ vì Đời tiếp vô thường, bờ sống có nương gởi, sắp sửa sang luận số, không bao lâu đã xong. Đến tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phước Thành thuộc Ích Châu, thọ hơn sáu mươi tuổi.

Bấy giờ tại Thục điệt ở Bành Môn lại có Sa-môn Tuệ Cảnh, Bảo Hiêm đều là những vị thông hiểu Nhiếp Luận, tiếng tăm vang khắp Kinh Quốc. Ngài Tuệ Cảnh trí trong sáng riêng khắp, giải thích Huyền tân, Văn số sâu thâm dẫn dụ, chóng phát anh thể. Ngài Bảo Hoàng thần chí bao gồm, cao vượt đồng bạn, đàm luận nương tựa, sắc thái vượt ngoài mới lạ. Số thuật phương nghệ không học chẳng lớn, tự dự sánh vai không có đấm chìm. Đến lúc tuổi già đam mê vướng mắc riêng lẫn lộn, bèn lấp bít nẻo mầu, nên chẳng xếp vào những vị tài giỏi ở đương thời.

3- Truyện ngài Thích Đạo Tôn trụ chùa Nhân thọ ở Bồ Châu:

Thích Đạo Tôn, họ Trương, người ở xứ Ngô Hương thuộc Hà Đông. Thân khí Sư cao vợi, khí độ rộng rang, khéo thông cơ hội, xem xét thấu đạt phương trị. Tử sử lưu lược thường rất trông xem. Hộ pháp nhiếp chúng, thật vốn bốn cứ. Tuy thông hiểu các sách vở, mà Sư chỉ riêng lấy Kinh Niết-bàn và Nhiếp Luận làm vườn nhà nương gá tâm thần.

Sư và người em ruột là Sa-môn Đạo Khiêm, từ thuở nhỏ đã được dẫn dắt dạy bảo, đồng đến chỗ Pháp sư Đàm Diên. Ngài Đàm Diên là thành lũy của chánh pháp, là chỗ quy hướng của kẻ tăng người tục, xét xem Thiên luân có thể nối pháp, mới độ cho làm đệ tử. Sư càng theo hầu đến ở nơi cửa Cung, giảng dạy bàn nói đều đến dưới Pháp Diên, mừng tiếp nối được chỗ sâu kín. Sư thường tư duy kích tiết, nên nghe nhiều nhưng đặc biệt xét về cương yếu. Đến dự nghe giảng giải thường kết nóng lạnh. Các hàng Tam tấn anh tài trông ngóng đạo phong vượt

trội nhóm họp.

Về sau, Sư về trụ chùa Nhân Thọ ở Bồ Châu, nhóm chúng hoàng hóa, dựng nghiệp thanh hành nhưng vì ở chốn mới nhóm họp, khách lữ theo về tục tình rối rắm, phần nhiều buông lung theo phàm độ. Đã thực hành hưởng trái nên thương ghét từ đó phát sinh. Sư hợp cùng Tấn Xuyên, hạnh sáng ngời không gì biểu lộ được, thường ngày mới đến chủ khách, cấp giúp tài pháp, đều giao Tăng trở giúp cùng thành khuôn phép. Nếu có sự thiếu sót thì cố gắng tạo tác, mới có duyên cùng khắp. Đức hợp cùng Dân thứ thì không gì chẳng toại. Do đó, phương truyền xa tiếng tốt càng triển chuyển nguyên do. Từ phiên Vương Phủ Tể, Đài tỉnh các liêu, đều xa giá đến xét xem, dò hỏi tham yết các dạy răn khác. Hoặc hốt nhiên vội vàng chẳng gặp thì tâm hổ thẹn sợ hãi, như nói là có chỗ mất. Đức vững chắc này cảm động đến vật tình là như thế.

Sư phủ Đạo tự giúp, tọa trấn thời tục, tuy là các hàng quý tiện cùng tham thỉnh, nhưng chẳng hề đón rước. Lại thêm vì Sư nói cười ôn nhã, đùa vui hợp thời, tiếp ngộ duyên cơ đều xứng hợp với Từ lệnh. Nhưng Sư kính vâng pháp cấm, gìn giữ chí tiết, chẳng vọng khi vậy khi khác, thường đạt đến sự giao cảm tốt lành, được người đương thời kính trọng.

Vào niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, yêu khí tụ hội lan tràn. Nhân có duyên sự trở lại kinh đô, ban đêm Sư dừng nghỉ ở đầu quan ải. Chỗ đến chỗ nhà người chủ có năm người đàn ông lại trộm cướp bên ngoài, thấy ngựa của Sư mạnh khỏe, muốn trộm lấy, nên nhân đêm tối đến chỗ Sư nghỉ, thì thấy có mười người vây quanh con ngựa đó, hình tướng đều hung tợn giận dữ, mặc áo giáp, cầm binh khí. Bọn cướp đều kinh sợ, nhân đó lùi lại, bỗng chốc không trông thấy gì, lại đến chỗ đó thì lại thấy như mới đầu nên không dám đến gần. Tiến lùi đến năm lượt thì trời sáng hẳn, không trông thấy người nào cả, biết đó là Thần cảm, mới cùng nhau quy hướng ăn năn sám hối. Sư có được sự ngầm thông hiển ích đại loại như thế. Lại vì tánh tình nhân nhượng vốn xuất phát từ bản chất, Sư dự thấy nguy hiểm bèn thương xót cứu giúp, không phân biệt kẻ oán người thân, tình chan chứa khắp cùng đồng nhất.

Khi nhà Đường mới mở mang chưa cứu giúp Bồ Châu, Sư và chúng tăng trong chùa đều bị giữ lấy trong thành. Khi đó có 1 vị Tăng thường muốn làm hại, chẳng phải cùng loại, thêm phỉ báng mới hình thành ngôn sắc. Sư tuy nghe thế mà chẳng vội lo. Đã không toại khuôn phép mới định vượt thành. Sự việc phát ra, sắp bị giết hại, đều không có người cứu giúp. Sư buồn khóc từ tạ xin lỗi người làm việc rằng: “Vị

tăng này làm điều tội lỗi, việc ấy thuộc về Đạo Tôn tôi, dạy bảo chưa thông nên làm kẻ tội. Đây là tội do từ tôi gây ra, nên tôi đáng bị giết hại!”. Sư tha thiết lại bày cản ngăn, người làm việc biết đó là Địch, nhưng không nỡ thấy Sư, v.v... bèn thả ra. Từ đó về sau, ngài càng phát phong thái nhân từ. Xin cứ theo sự việc mà dẫn dắt, thành đạt lượng rất rộng lớn.

Mùa Đông niên hiệu Trinh Quán (627-650) có người thỉnh Sư giảng Kinh Niết-bàn, biết trước sắp tịch nên Sư tha thiết không hứa nhận. Người ấy chẳng lường biết ý ấy nên lại trình trọng thỉnh Sư. Sư bèn bảo rằng: “Sở dĩ cố từ, vì không trọn vẹn pháp tịch này. Chẳng khởi ý sau, vãi lại cùng phiền.” Sư bèn vào cốc Vương Thành, kể tăng người tục nhóm họp. Sư lên Pháp tòa; chánh đề rồi bảo với bốn chúng rằng: “Pháp thế giới là như vậy, không bao lâu nữa tôi sẽ mang chung, xin già từ Đại Chúng! Thế nào là phần kệ sau, xin gởi gắm kiếp sau.” Sư bèn y theo văn kinh bắt đầu giải thích, vừa đến phần kệ đầu, bỗng cảm thấy thất niệm, mới qua ba đêm. Sư bèn thị tịch tại núi, thọ bảy mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi lăm tháng mười hai năm ấy, khắp chốn mọi người đồng gào khóc như chịu tang cha mẹ ngay đêm đó tuyết rơi phủ khắp ba, bốn dặm, phải quét đường thông hành, đón rước nhục thân Sư lên trên đỉnh núi, qua đêm bỗng nhiên có loài hoa lạ nhiều quanh thi thể, vạch đất mà mọc lên, cành dài đến một vài thước, phần trên nở phát tốt tươi xinh đẹp, dường như khoả sắc Đông mà hình tướng hoàn toàn khác. Bảy chúng đều kính sợ, vui buồn ồn ào cả cảnh núi non. Có người bẻ lấy đem vào thành đưa cho các vị lão túc xem, rồi đem để trong bình nước, đến tháng năm năm sau vẫn còn tươi không héo úa, sau đó đem ra trồng nơi đất mới bắt đầu khô tàn. Sư có được các điềm lành thâm cảm ứng ít có trên đời như thế.

Tại Tấn Châu, có người tánh tình vốn ưa thích săn bắn, ban đầu không kính tin. Có người rao truyền điềm lành của Sư đến tai người đó, mới đến núi tìm, thì hoa biến mất mà nhục thân Sư cũng chẳng còn, chỉ trông thấy chỗ trống, bèn lớn tiếng khóc than rằng: “Sống không được mở giải niềm tin, chết chẳng được đội ân thấy điềm hiện hoa lạ! Một sao chẳng cảm ứng, hẳn là Thần Đạo có sự răn dạy, cúi xin hiện lại linh tướng!”. Nói xong, tự nhiên từ đất mọc lên hoa lạ dài cả thước. Người đó vui mừng an ủi điềm ứng, bèn ngắt lấy đem về đưa cho mọi người trong làng quận xem. Do đó mà sinh khởi niềm tin. Đều là những việc đáng tin ở những năm gần đây, đâu thể vọng truyền?

Người em của Sư là Sa-môn Đạo Khiêm, học hạnh tốt đẹp kém

hơn so với người anh mà giảng giải Kinh Thập Địa có tiếng tăm khắp ngoài quan ải. Vì ở chùa Nhân thọ đã tản đuổi bít đường, thường do đó mà ồn náo đất tiếp với Kinh đô chóng nhọc việc người, mới nhìn lại nói lánh chốn u tịch, xem khắp núi sông, có cái hang tên là Vương thành, bèn đến nương nấu ở đó. Khi đó lại lên cao đến xa, nắm thể gió mây, dẫn dụ Danh thiên, Cao điệu trong vượt, khách tặng tục nhóm họp, lại tụ hội đến nơi cửa núi, bàn nói vui đùa dẫn tâm không hề có hư lão. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Ngài Đạo Khiêm thị tịch tại phòng nhà ở núi, thọ sáu mươi bảy tuổi. Ngài (Đạo Tôn) rơi lệ, cùng đệ tử là Đạo Cơ, v.v... trà tỳ nhục thể, thân nhật bụi trần còn lại tán rải nơi phong phủ, nhớ nghĩ chỉ ân đức, bèn xây dựng một ngôi tháp gạch Thích-ca, khắc bia dựng Đức, do sa môn Hành Hữu soạn Văn bia.

4- Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Sùng Nghĩa ở Kinh Đô:

Thích Tuệ Quân, họ Trương, người xứ Thanh Hà. Vào niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) thời Tây Tấn, Tổ tiên Sư lánh đến ở Kiến Nghiệp. Sư thiên tánh thông giản, phong thần rõ ngay, khắp nghe rộng đạt, mài giữa Hậu hiền.

Xưa kia, vào thuở chí học, Sư sớm đến trường lớp học suốt Nho Tông, tài năng rất lắm. Cha của Sư là Chánh Kiến, là người tài giỏi cao vời ở đời Trần, tự có Biệt tập, vui mừng với việc Sư kính phụng Thích Môn, thấu rõ thần vũ nơi Sư, muốn Sư kế thừa sự nghiệp ở đời, nên Sư có chí cầu thỉnh đều bị ức chế không được ưng thuận. Sư biết Chân nhật, chứa tình tỏ bày tha thiết, nếu chẳng được xuất gia thì thể sẽ dứt bỏ đời. Cha của Sư sợ Sư dứt mạng. Vả lại, lệ thuộc Lý Tông, đã ở nơi Tĩnh Quán, tạm gìn giữ cân đai áo hạt, bèn trao cho Sư kinh sách của Tam Hoàng Ngũ Đế. Bí yếu phù lục chân văn và các pháp toán số thức dịch cấm hạch v.v... Sư vốn thần tuệ phát sáng, chỉ qua tay bèn liền thông hiểu, bên cạnh lại dò hỏi Tam Đổng Tam Thanh của Trang Lão, nội quyết của Dương Tử Thái Huyền Cát Sinh, không điều gì Sư chẳng soi xét đến tận nguồn gốc, nghiên cứu tìm đến chi phái. Cuối cùng Sư bèn nghĩ tưởng đến chân tế, sùng chuộng tự nhiên, chú tâm luyện hình, trọn mong vũ hóa, tìm tòi chí lý như ảnh hưởng khó truy tìm. Sư liền thâm trì tụng Kinh Pháp Hoa, ý muốn quy hướng Phật chủng, qua thời gian chưa bao lâu mà lời văn đều thuộc hết.

Gặp lúc Hoàng Đế thời nhà Trần độ tăng, Sư bèn tham dự khảo

xét. Vào niên hiệu Thái Kiến (569-583) đời Trần. Sư được ban sắc độ, cho trụ ở chùa Đồng Thái. Sau khi xuống tóc, cha mẹ Sư mới biết. Đã được quan cho phép nên rất vui mừng. Nhờ nương tựa tăng chúng, nghe học bảm thọ các kinh, Sư đến sau mà thành đạt trước, ngày một thêm vinh hiển. Đến lúc nhà Tùy đánh dẹp nhà Trần, Sư theo hướng Bắc đi đến Giang Đô. Lại trụ ở chùa Thê Hoàng ở Hoa Lâm, thưa hỏi Chánh Pháp. Có Pháp Sư Giải là người có tiếng tăm giỏi về Luận Thành Thật. Sư nhân đó nương tựa Pháp sư nhiều năm, nghe đàm huyển nghĩa, xét hợp nghe trước, càng mở rộng Thần lược. Vì Đạo hạnh Sư thành đạt hiển trước nên các hàng tăng tục đều quy hướng.

Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy, Sư được thỉnh đến trụ ở Chùa Kinh. Bấy giờ, Tấn Vương khai mở đức tin, rộng thỉnh các bậc Đại đức đồng đến chùa Nhật Nghiêm. Và chư tăng cả nước vây quanh giúp đỡ Sư. Mỗi ngày, Sư giảng thừa Ngũ luân phương giá, bèn được quán thông Dị bộ, xem khắp các truyện, so sánh các kiến thức cũ, khảo định khuôn phép mới, đào luyện thấm nhuần chỗ sâu kín, tuệ ngộ càng mới. Soi xét sâu xa cê văn Tiểu Đạo hữu lậu của Ha-lê-bạt-ma, bèn quy tông về Long Thọ, mở mang Đại Thừa; nên được các bộ luận như Trung Luận, Bách Luận, Bát-nhã, Duy Thức v.v... đều kính trọng gọi nhuần thân hóa, xem đọc văn ngôn, giảng bày dẫn dắt lấy làm việc chính của mình. Những lúc nhàn tĩnh, Sư suy nghĩ nghiên tầm việc trì tụng Kinh Pháp Hoa vẫn gìn giữ như trước. và giảng văn nghĩa, lấy làm tu tập cho về sau. Trình ý giữa chánh, chẳng vọng tham nghinh. Có các Sa-môn Trí Thủ, Đạo Nhạc, v.v... đều là những vị học cùng xét cổ, cuối giá nghiệp giữa trời xanh, đơm nhuần đức hạnh, kính chuộng Đạo phong, ở lại vài đêm, bàn luận Pháp luật, sau định Hiến Chương, vui cười mà về sau lại tìm sự khai mở.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (615) thời Tiền Đường, chị của Vua Cao Tổ (Lý Uyên) là Công chúa họ Trương ở Quế Dương xây dựng chùa Sùng Nghĩa. Từ lâu sùng kính giới phạm, giữ nghĩa mà sống. Ở đời gặp lúc tốt lành trong sáng. Vật tình đều trọng vọng. Có Luật sư Huyền Uyển là người đạo hạnh bày khắp triều đình phố chợ, Hạnh cảm tới cung vua, khí kết như mây gió, theo bậc Long Tượng, thường coi việc thỉnh mời. Mở đầu nói năng bặt kính mà khiêm hư thành trị. Bấy giờ, Sư lại đến trụ ở đó. Ngài Huyền Uyển giầu sâu, cơ thần càng lớn, cuối cùng tiếp, có xuất Tội thọ giới, thường ở nguyên tịch. Đến cuối mùa Hạ niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Bệnh phong thường tăng. Sư bèn nhóm họp môn nhân đến bảo rằng: “Hình

thế không bao lâu nữa sẽ kết thúc, sẽ từ giã hẳn, nên mỗi người chỉ tự vui mừng, không nên ân hận về sau. Tôi chỉ sợ phước nghiệp chưa đến, lấy đó làm lo!”. Sư bèn cắt y phục mùa Đông mà may thành. Sư lại bảo: “Nêu thức thân tự khảo xét, thì sẽ có khuôn phép thường hằng, sợ lúc thoát ra hôn mê ám muội, phi thời mà đòi ăn, không hợp với Pháp!” Đến lúc sắp tịch, khi đó quá thời mà Sư đòi cháo. Đáp rằng: “Thời đã qua!”. Sư bèn im lặng không nói. Lúc sắp tịch, Sư vẫn kính thờ Chánh Đạo là như thế vậy. Đến ngày hai mươi tháng bảy năm đó (637), Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ bảy mươi bốn tuổi, an táng tại phía Tây gò Cao Dương, đào huyết mà an táng. Sau lại dời đến đỉnh núi phía Đông chùa Phong Đức ở Nam Sơn, đục đá làm khám, khắc bia minh khen ngợi đức hạnh.

Sư ở độ tuổi tham học, kính vâng theo hầu được hai năm, Sư hiền từ dạy răn ôn hợp, mừng giận không tỏ ra bên ngoài, dùng hạnh cương mà chỉ dạy, lấy nhỏ nhiệm kín mầu mà nêu bày, ngợi khen ngữ thiệp, thời tiết nóng lạnh chẳng mỗi một. Ban đầu sau khi thọ giới Cụ túc, tánh Sư ưa thích Định Môn, bèn tỏ bày cầu thỉnh, nói rằng: “Giới thanh tịnh thì định tỏ sáng, sau đó mới là Đạo, nên trước phải học Luật, Từ phạm Chiếu Dung, sau đó mới được!” Tôi suốt một thời gian hơn mười năm nghe học luật diên. Nhân theo chương cú, bèn mừng vui mô phỏng theo. Đầu niên hiệu Trinh Quán (637) thời Tiên Đường, Sư dứt nghĩ quan biểu rộng lưu bố thấy nghe, mới quỳ tỏ bày hạnh ý, tiện đó nhiều lần Sư bảo: “Người xuất gia hành Đạo, nhậm theo Quán hóa, hẳn là nương sự việc đời, không thể xa lìa.” Nhân đó mà nước mắt tuôn trào. Sư đồng ý nghe Đạo, tạm đến liền trở về, không cho là gió cây dễ huyền não, qua sông khó tĩnh lặng. Qua lại mười năm, bèn ẩn suốt ngày, thật buồn thay.

5- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu:

Thích Đạo Tông, họ Vệ, người ở xứ Bằng Dực. Tánh hạnh rộng rang dung thông, khoan nhân kính ái, lo hợp thành cứu giúp, nổi tiếng ở đương thời. Từ thuở nhỏ, Sư bỏ tục, thuần chuyên Thích Môn, Chuyên chí với Đại luận, giảng tán Văn Chỉ. Lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá hủy Đạo pháp, Sư bèn ẩn hình theo thế tục, bên trong chứa nhóm Minh Cấm, ngoài phù hợp với thế trần, đến khi triều đại nhà Tùy khai mở chánh giáo, Sư bèn dự phần xuất gia, trụ chùa Đại Hưng Quốc ở Đồng Châu.

Chùa đó là nơi sinh ra Văn Tố, phòng nhà Đường tháp trước sau

thêm vẻ vang. Trái thành đến nước nhiều lớp soi nhau. Chùa có lập bốn văn bia, nêu bày các mặt. Ngài ở trong đó, giảng nói nhiều lần. Ngô Vật đã rộng mở tẩy tâm trần, mà hình giải mở sâu xa. Đồ chúng nghe pháp tôn sùng kính trọng. Tân khách khắp bốn phương mỗi ngày có đến chu cấp cúng dường thưa hỏi, nổi tiếng cả kẻ tăng người tục. Khoảng cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) đời Tùy, nạn thiếu thốn đói kém kéo dài nhiều năm, khắp gò đồi hang hốc đầy dẫy xương cốt, người dân ăn nuốt lẫn nhau. Chỉ riêng Sư rộng bày bốn ân, khai hóa Dân lệ, các vật Đền việt cúng thí Sư đều ban cấp. Nên ở Bồ Châu có ngài Đạo Tôn, ở Đồng Châu thì có Sư tuy cách xa sông ải, đường đi phải mất cả ngày, mà tình đồng cứu giúp vượt thật rộng lớn. Chúng vì kính trọng Sư đức lớn nên đều quy hướng, đề cử Sư đảm nhận trông coi việc chùa, thống lãnh thâu nhiếp tăng chúng bằng Từ chỉ trùm khắp.

Vì Pháp phải nhờ người mở mang, thành cứu giúp là tại Luật, Tăng chúng phần nhiều học theo phép tắc thông thường nên loạn. Sư bèn đến kinh thất, thỉnh mời Sa-môn Trí Thủ đến Trung Hạ giảng dạy, Ngài dẫn theo bộ thuộc hơn ba trăm vị, nêu bày yếu chỉ của kinh, như lúc ban đầu chẳng thấy mỗi một. Lập chùa rất lâu mà đất sạch hoàn toàn không có tuy chưa cầm nắm, nhưng phải nhuộm nấu thối trước. giải thích văn đến đó, Sư mới biết trái. Ngâm lấy bụi ngùi, học muện chưa thành Hộ pháp. Sư ngưng giảng năm dịch mới đến văn sau. Sư lại thường nhọc Bồ-tát, vật quý mới nghe. Tăng chúng phần nhiều chỉ xin thuyết dục chẳng đến giới trường. Nghe Dục, Sư bèn vì chỉ dạy, răn bảo đó là mong cầu, vốn là nhằm chán biếng nhác không thành Thánh Pháp. Từ đó đến suốt đời, Sư luôn đích thân Thuyết giới. Nếu có người chẳng đến, Sư lường xét sự tình mới chấp thuận. Không đến nhiều lần, Sư nói qua rất ân cần, đều vì đó mà tuôn chảy nước mắt thấm ướt cả khăn đai, sùi sụt không thôi. Sư kính phụng Chánh Pháp đến như thế.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, nhân bị bệnh nên Sư thị tịch tại chỗ ở, thọ tám mươi lăm tuổi. Môn nhân của Sư có hơn năm trăm vị, kính vâng Pháp huấn, không nhân cảnh ngưỡng, mới dốc hết tình hậu táng. Nên xa giá che liền nhau, phước lọng cùng tiếp nối, trong khoảng mấy dặm đường mà kẻ tăng người tục đều đông đầy. Tháp thờ Sư được xây dựng ở phía Đông thành, lập Văn bia khen ngợi đức hạnh.

6- Truyện ngài Thích Tam Duệ trụ chùa Linh Hóa ở Kinh Đô:

Thích Tam Tuệ, người xứ Lô Phiền. Sư kính trọng kinh Niết-bàn,

lấy làm chánh nghiệp, hạnh lưu tỏa khắp Hà sóc. Nổi tiếng cùng y lệ.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, vì ngài công phu học hạnh đã thành hình sắc thái nên vua Dương Đế (Dương Quảng) bèn ban sắc thỉnh Sư vào đạo tràng Tuệ Nhật. Đông Đô đến muộn, bến Huyền bước chung đều do công của Sư. Thần khí Sư trong sáng trang nghiêm, liếc nhìn đều thành phép tắc, mở lời động luận chúng đều kính sợ. Vua Dương Đế vì thông Đạo rõ cơ, chuyên việc phải tuyển chọn, bèn ban sắc đến ba Thục sư tìm, đề cử những vị có khả năng tài giỏi. Gặp lúc thời vận nhà Tùy suy sụp, Sư bèn ngụ ở tại Ấn Phiền, lưu lạc theo vật, nhân việc mà dẫn dắt chúng sinh. Tánh Sư dứt bật ồn ào, sống tĩnh lặng mà mở mang đạo nghiệp. Tán Quốc Công Đột Quỷ trấn nhậm tại Dong Thục, riêng chỗ dò hỏi tôn sùng, kính phục Sư ở chỗ tĩnh lặng rỗng rang, đặt để cung kính lớn lao khác lạ v.v... Sư quán xét thời cơ mà chế dùng, nên không có hình ảnh lưỡng đối.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ chín (226) thời Tiền Đường, Sư từ xa về châu Kinh Quyết. Vua Cao Tổ (Lý Uyên) ban sắc thăm hỏi, đảm nhiệm Hoàng Đồ. Công Bộ Thượng thư Đoàn Luân sớm gieo trồng nhân lành, xây dựng chùa Linh Hoá, kính trọng Đạo nghiệp của Sư, nên tấu trình thỉnh Sư đến trụ ở đó. Khi đó, Sư lại mở mang giáo hóa càng thêm rõ ràng, sơ lược lưu truyền Bút ký, các hàng hậu học xưng tán tìm cầu. Đến niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) thỉnh Sư vào tham dự phiên dịch kinh điển. Sư nhuần Văn, chứng nghĩa, theo thứ lớp đáng tôn kính. Soạn lời tựa nơi Kinh Quán, dẫn tình đặt lệ đủ mạnh mẽ dồi dào. Và trong năm đó Sư thị tịch tại chùa, thọ bảy mươi tuổi.

Xưa kia, tại Giáng Châu, Sư ở riêng Biệt Viện, cảm thấy một Thần Đồng hình chất ít có ở đời đến kính lễ Sư mà thưa rằng: “Cúi xin Pháp sư khuyên răn Tri Sư chớ cày xới ở chỗ phần mộ!” nói xong liền biến mất. Ban đầu, Sư chưa nói lại việc ấy, sau Thần Đồng trở lại và lại trình bày việc trước, bảo nếu Sư chẳng nói dùm thì sẽ đánh vị tăng kia đến chết. Sư bèn đến hỏi dùm, mới biết trong chỗ ruộng đang cày xới có ngôi mộ cũ. Sư liền bảo dừng. Do đó tăng chúng thanh tịnh yên ổn, cuối cùng không có hậu hoạn, tự chẳng lập chánh xử, khiến phi nhân đến mách bảo. Nên sự dạy răn của Sư không cho phép xúc chạm đến u hiển, như điều đã nêu dẫn v.v...

7- Truyện ngài Thích Tuệ Quân trụ chùa Thông Huyền ở Tô Châu:

Thích Tuệ Quân, họ Lý, người ở xứ Giang Hạ, vốn thật ở Lũng Tây. Nhiều đời mang đội mào miện, Cô Xa hợp với Thiên Diển, điều xa liền với Nhã Mộc. Tổ tiên đời thứ mười một của Sư là Đô Đình Hầu thời Tây Tấn. Nhân lánh nạn đến phương Nam, dừng ở tại Hạ nhuế, nhân đó mà tạo lập gia nghiệp.

Năm mười tuổi, Sư xuất gia, kính thờ Pháp sư Minh Trí chùa Quang Nghiêm, vốn họ Cửu. Ngài Minh Trí nhập thất ở chùa Kiến Sơ, vâng mạng khai mở pháp diên giảng dạy. Sư bèn dốc chí nương tựa vâng thừa, nghĩa môn được khai mở lớn rộng ở đương thời. Nam Quốc lệnh chúa nhà Triệu Nhân Vương, mỗi năm thiết lập Pháp Diên chọn thỉnh những bậc Danh đức. Sư tuổi vừa mới hai mươi mà được dự phỏng theo thường đó. Cao Đệ đã đến, tiếng tăm Sư càng vang xa. Thiên tử đưa mắt nhìn, người trời kính ngưỡng khen ngợi, sáng ngời sủng ái Quốc ân, cung kính trước là thành lập.

Đến lúc trời ngăn che vận đức nhà Trần, thời vận nhà Tùy liên hưng thịnh. Các trường giảng ở Kim Lăng Sư đều trải qua, Sư bèn roi gậy đến đất Ngô. Đại thừa thúc buộc dây cương, xin dẫn chĩnh đốn lữ thứ, rộng mở trường học, xa thỉnh mời các bậc tài sĩ ở Bát Duyên để quạt lên ngọn gió nhất cực. Thứ sử Tô Châu là Lưu Quyền là người thật đạt ba đức, có chín khả năng, sống lại giản dị, luôn nương tựa pháp diên. Vui uống nước sông đến đầy bụng, mừng mang đội núi mà không nhọc mệt. Từ lúc nhà Trần suy sụp, vật ngã đều đổ, hoặc có người lọt lưới trở về phương Đông, hoặc có kẻ vào lồng mà lên phương Bắc. Gió hang vì ân cùng bỏ, chặt cây vì Đức cùng cao, chứa nhóm bạn theo đều đến bái yết cung kính.

Đầu niên hiệu Đại Nghiệp (605) đời Tùy, khúc giáng Hoàng Hoa, Sư viện cố bệnh mà từ chối, tình theo Sơn Thủy, các Cao Nhân ở đất Ngô vì đó đều nương cây, thỉnh Sư đến trụ chùa Thông Huyền, y cứ điềm lành mà mở mang giảng dạy. Gặp thời nhà Tùy tối tăm, yêu khí ngang bầy, Sư bèn lánh đất đến Tỳ-lăng, trầm lắng ở yên Chư Tăng ở và chùa Hiển Min và Thụy Tướng chí thành thỉnh Sư hoằng pháp. Ở chùa có các Sa-môn Trí Khế, Trí Mãnh, là những bậc phong du cảnh tỉnh xa xa, chẳng thiếu tinh thần. Sư đã gặp được người thông hiểu, dốc lòng hướng về phía Bắc, chuyên cần thì không thiếu, dạy răn phải lắm công phu, đều cùng tiếp nối giảng bày, cùng rong ruổi tới Đông tiến. Bấy giờ, luật hình mới xem thường phép tắc, ở đời trải qua khó khăn mờ tối. Trường Hoài về phía Nam mà vẫn gọi là nước Ngô. Đỗ Oai chuyên chế, đoạn bỏ Quân lâm, sùng chuộng Phật lý, kính trọng Quy giới.

Đến lúc Vua Cao Tổ (Lý Uyên) thời Tiền Đường, quét bỏ vết cũ, ban bố khuôn phép mới, mở đầu bắt chước Lâm lạc, dẫn nêu Đỗ Oai đến yết Kiến Vua. Cúi đầu vâng chiếu, chẳng vui ở tự mình. Sư nói cho nghe nguyên nhân ngày trước, giải thích nỗi lo buồn tức giận của Đỗ Oai, thấu đạt sự chẳng bền bỉ của Đảnh sinh. Hiểu được mất mưu đồ của Ngô Phỉ Đỗ Oai bèn tiếp xúc, nghẹn ngào, do đó mà từ biệt. Có các Sa-môn Đạo Nguyên, Pháp Tế, v.v... ở chùa Dư Hàng, trước kia vốn học Luận thành thật, nghĩa cùng môn hộ, chẳng ngại xa ngàn dặm đến xin học Đạo ở Kim Lăng. Mới kết cùng vâng theo. Thế rồi, phu bày chí lý, cây thuốc nhuần thấm nhiều, xin đãi thí dâng đều không phí tổn. Ở tại hai chùa Viên Hành và Long Tuyền, mỗi nơi đúc tạo một pho tượng Đức Phật Di-lặc bằng Đồng mạ vàng ngời, cao một trượng năm thước, để kết duyên đời sau.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, có pháp sư Tuệ Nghi là bậc thượng đức ở chùa Thông Huyền. Đạo tâm rất tinh túy, tình lượng bao trùm cả núi biển, tu sửa chính mình, an ủi mọi người, cơ duyên chẳng đúng thì không dấn chân đến. Vì xưa kia dưới thời Đông Tấn, có Bạch Ni là người Chí thành cảm kích đến thần, không nơi xa nào chẳng đến, tại Thiên-trúc có pho tượng bằng đá cứu giúp cả hai thứ bệnh nóng lạnh, soi chiếu đuốc thần ngời sáng sông Hồ Độc. Bạch Ni đón rước về tôn trí tại chùa Thông Huyền. Từ khi nhà Tấn chống cự nhà Trần, tôn tượng hiển hiện nhiều điều linh dị. Cuối đời Tùy, quân lính cướp bóc lấy hết ngọc đá. Nghi dung của hai pho tượng nhuốm nhiều sương móc, riêng mình ngài Tuệ Nghi gắng tâm hạnh thiết, tâm còn tối sáng, vì Phật không có điện, thì làm sao tăng an được! Bèn đi khắp cùng núi hang, lên cảnh kén chọn gỗ quý, chẳng hơn một năm, nổi chìm ngàn trượng, dầm sâu vào mạo hiểm, về đến đất Ngô, rộng mở bày Nguyệt Điện, chỉ họa dựng lập. Sư vì gió mưa cùng cảm nên quán chiếu trở về, không trái hai thời, công phu gồm cả hai việc. Có Ngô Huyện lệnh Trần Sĩ Xước sắp bày phiến toái theo nghĩa, khuyh tâm kính ngưỡng Pháp Âm, thỉnh Sư giảng Kinh Pháp Hoa, Niết-bàn. Văn Nghĩa pho quyển vừa mới xong, mỗi một việc làm càng thêm lao nhọc. Sư bèn đem trần vĩ phó chúc cho Học sĩ Trí Trang mà bảo rằng: “Gắng học đợi thưa hỏi, không sợ tuệ phong. Sự gắng công gấp bội chẳng thẹn với thường chiếu!” Lời thề vừa dứt, tự nhiên Sư nhắm mắt. Lúc đó nhằm tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ tư (630) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Thông Huyền, thọ sáu mươi bảy tuổi. Qua tháng mười một năm đó, an táng phần mộ Sư tại đỉnh núi phía Nam Bạch Hồ.

Các Hàng Học sĩ Môn nhân của Sư có hơn ngàn vị, buồn đau sùi sụt, nước mắt thương tâm, sợ lo phương nghi có lúc dứt bật, mới dựng lập văn bia cao lớn, do Giang Vương Học Sĩ Gia Lâm soạn viết lời văn. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, các vị đệ tử của Sư như sa-môn Pháp Thiên, v.v... hiếu tình lớn lao đến thăm viếng chẳng kịp, kính cẩn ngay trước phần mộ của Sư, xây tháp gạch năm tầng. Thiên Sư Tuệ Nghi là bậc thắng đức trong làng nước, hương hỏa tình nhớ quanh co, kiêm việc kinh luân, nên khiến nhìn xuống xoay cùng nương tựa, cao đáng rộng thông hướng thuật.

Bình sinh Đệ tử Sư ngưỡng trông quỳnh cấp mà thấm ướt vạt áo. Xưa trước Đức Minh trông ngóng ngọc luân mà lệ đổ. Có sa-môn Pháp Tuyên ở Thường Châu nói rằng: “Tôi và Thượng nhân (tức Tuệ Quân) tình hòa Đạo hợp. Tuệ Quân thị tịch. Tôi đây bệnh tật, gối lệ ngủ khóc, xe trắng chẳng rong ruổi chốn đất thanh tịnh ca dài cách trở, muốn tỏ bày nỗi lòng buồn thương, liền soạn một đoạn Minh ngấn bày nơi phương phần bày ở linh tháp. Phó chúc người tốt xứng dựng cao ấy. Đối với Chỉ có người Pháp Chủ Đức tốt hoàn toàn, sông ái sớm vượt, đèn tâm trẻ truyền, Nham nhạc một chiếc chiếu kê, gọi ba năm. Bồ xanh ứng khắp, cực tím vang tới trời. Danh bang trở hóa, lợi vật chột đến. Chén cù ngày một chầm rớt, gương treo thường sáng. Biển nghĩa bên cạnh tràn đầy, lên thẳng núi bàn luận. Ai gọi là ngọc sáng ngậm trong đất tối, thần gò đồi bút hang tháp trắng nêu phần mờ. Khám quỳnh lưu giữ nương móc, tay ngọc xếp bày mây. Khe thông đưa âm hưởng, núi Quế nổi bày thơ, núi bay biển chuyển, đời đời nối nhau. Lửa đến Tần lãng, thư mở kéo mờ cao. Chỉ có Đạo lực ấy vui với vợ cao xa.

8- Truyện ngài Thích Pháp Cung trụ núi Võ Khâu ở Tô Châu:

Thích Pháp Cung, họ Cố, người ở quận Ngô. Chánh tín bẩm phát, thành đức tự nhiên, khéo biết ngộ Đạo, tình cao vượt tục, nên biết người vì Đạo quý ở tinh lực người hiểu rành phương hướng quay về Đến đứng đường, người lập triều sùng kính dốc thành ấy, người chiêu ẩn thì thưởng vị an nhàn. Rõ ràng đó ở nơi Sư, lường xét vũ nghi của Pháp lữ, chuẩn đích của người thường.

Đêm Sư ra đời, trong phòng có ánh sáng lạ, đến tuổi biết quét bụi, Sư bèn xả tục, kính thờ Pháp sư Tụ ở núi Võ Khâu, xin làm Đệ tử. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư nghe Sùng Công ở chùa Dư Hàng giảng Luận Thành Thật, nghe Dĩ Công giảng Luận Tỳ-đàm. Mãi đến lúc Sùng Công sắp thị tịch mới đem phát trần phó chúc cho Sư. Phàm những bậc tiên

đạt thời ấy đều là người tài giỏi. Sư đã nhận thọ pháp gởi trao, nối nhau hoằng trì. Các hàng ba ngô chín phái đua nhau đến hỏi Đạo, mà Sư nhọc nhún nhường suốt ngày ứng đối không mỏi mệt. Hạnh cao mà hiệp cậ như ngu, học rộng mà bày xoay mặt vào vách tường. Sau, Sư nói đi đến đất Kiến nghiệp, lần lượt dò hỏi các bậc Tông tượng, nghi sâu nạn lớn thường ôm ấp trong tâm. Hẳn có Đạo Vô Đắc rộng lớn, tình lưu danh sáng tỏ. Sư bèn trở về quê cũ, ẩn cư nơi núi Võ Khâu, đốt ngón tay cúng dường, tình đau nhức chóng dứt, mái chim sơn thú, chí lâu dài vẫn còn.

Vào niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Châu Tướng Lưu Quyền, chính là thành được đất Ngô, tâm tình đặt để trong Thích giáo, bèn nghiêm giá tới sơn núi, rồi trở về thành ấp, trụ chùa Hồi Hương. Đã bức bách cố thỉnh mời như thế, rõ ràng khác hẳn lo lắng. Vì hiểu Đạo do tâm, Đạo còn thì mất Bỉ Ngã (Ta người). Lập giáo tại Tích, giáo hành thì lẫn lộn tối sáng. Sư bèn đi đến Lạc Đô, chuyển pháp lưu thông cam lộ, rót sông ngưỡng núi, đều khen ngợi sự kỳ đặc ở trước.

Vào Tiền Đường, sự giáo hoá càng tôn sùng giảng dạy rộng khắp. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc mời Sư đến Lạc Đô. Có Pháp sư Pháp Tuyên ở Thường Châu lúc ấy được thỉnh cũng đã đến. Sân ban ân lễ, đối dương trưởng màn, biện nói phân luân, rõ sự hưng diệt của Tượng giáo, chứng minh sự phước Di pháp. Vào hầu yến diên, đã vẽ bày nhã thập, ruộng áo làm thơ vịnh, vẫn tức là ban tặng lụa nhung. Sư có được sự cảm kích nổi lòng thánh đế, thấy sâu nơi nhan sắc. Vua Thái Tổ đặc ân ban chiếu lưu giữ Sư ở lại, đón rước đến kinh đô, cung cấp bốn thứ cần dùng luôn khiến ưu hậu. Ung Châu Mục Ngụy Vương xa thêm kính trọng, thỉnh Sư làm Giới sư. Đích thân ban sớ rằng: “Xưa kia, ngài Đạo An ẩn tích ở Tượng Dương, mà tiếng tăm vang đến cung nhà Tần, ngài Tuệ Viễn gá Tâm ở Lô Sơn, mà tên tuổi chấn động khắp kinh đô nhà Tấn. Nên biết sự ứng vọng của tiếng tốt chẳng nhọc ngàn dặm. Chỗ soi chiếu của trăng sáng không ngăn cách chín tầng. Pháp sư đội ân Thượng nhân, vang xa Cao Đức. Luật hạnh trong sạch nơi mắt xanh, oai nghi nghiêm chỉnh ở râu đỏ. Trí truyền đăng chẳng cùng, tài pháp thí không hết! Đệ tử thân nhiếp Tâm viên này, thường khát ngưỡng đối với Điều ngự, cày xới thân ruộng này, đội ân đối với mưa pháp. Nếu được thầy trò có uỷ thác, mong dùng vén quét sáu trần, khéo dẫn dắt khai mở hạnh, để không mê lầm đối với tám chánh. Kính cẩn thỉnh cầu, đợi lòng dẫn dụ!” Sư đã ứng với sự thỉnh cầu ấy, cúng thí rộng lớn. Từ đó, khắp triều đình cho đến thôn dã, các hàng Minh Đạt, tăng tục thanh cao nghe

tiếng tăng trông đợi lâu, trông ngóng phòng thất mà tìm đến, do bởi ít viết. Nhưng Sư rộng trông gốc đức xa nêu cờ thẳng. Điện báu cao đến tầng mây, kim dung tôn tượng soi chiếu như mặt trời. Trường giảng mới khai mở, mang rương tráp rảo cùng. Đàm sở vừa thành, danh đồ giấy quý. Thêm vì Sư thông hiểu giáo điển nội ngoại, biến học cất tiết sóng cả. Bút hồng điều luyện chương, vườn văn mở mang rừng chăm.

Đến ngày mồng sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Đại Trang Nghiêm ở Tây Kinh thọ bảy mươi ba tuổi. Các hàng quan chức đều đến viếng điệu, mọi quan chức đều buồn thương. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc cấp tặng thêm mọi thứ cần dùng trong lễ tang và tạo xe linh, vội cấp truyền thừa, giao cho đệ tử Sư là Sa-môn Tuệ Tập rước Kim quan Sư trở về quê cũ. Đến ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười lăm (641) an táng tại đỉnh núi phía Nam của Võ Khâu. Kẻ Tăng người tục lần lượt đến viếng, nhìn đường buồn khóc. Môn nhân, v.v... của Sư, thầy trò thêm cảm, tháng năm lần lượt đi qua. Nếu chẳng phải là châu ngọc uyển Diễm thì ai tỏ bày không mục rã? Bèn cùng nhau dựng lập Phong Bia, thử bày kệ tụng. Trung Thư lệnh Giang Lăng Công Sầm Văn Bản soạn lời tựa. Triều tán Đại phu soạn Lang Lưu, Tử Dực soạn bài Minh, hai đầu mỗi phong thanh, đều có ý chí.

9- Truyện ngài Thích Trí Chánh trụ chùa Chí Tướng ở núi Chung Nam:

Thích Trí Chánh, họ Bạch, người ở xứ An Hỷ thuộc Định Châu. Gia đình nhiều đời kính tin Tam Bảo, Sư sớm làm việc trước tác hoằng thông. Vừa mới tuổi có sự nhận biết, Sư bèn già từ màn lưới thế tục, thấy biết rộng khắp chẳng như các trẻ nhỏ đồng bạn.

Năm mười một tuổi, Sư muốn xuống tóc xuất gia, cha mẹ và bà con quyến thuộc nhìn Sư mà khóc, nhưng dung mạo nhan sắc Sư vẫn không thay đổi. Thầy Sư biết được khí độ cao xa nơi Sư, nên mỗi ngày trao truyền cho mọi điều Sư chưa nghe biết. Sư tùy được duyên bèn ghi chép thành Phổ lục, nếu có chỗ sót mất thì tìm hỏi tương tục. Sư, thân không đùa bỡn miệng không truyền bừa, vâng phụng giới pháp siêng năng, sớm tối tự sách tấn. Hoà-thượng đồng sư cũng riêng ngợi khen khác lạ. Tuy đã hai mươi tuổi mà Sư không hề phải làm việc nặng nhọc, được cung cấp đủ mọi thứ cần thiết, Sư tự do học hỏi, chưa đầy vài năm mà tiếng tăm trí tuệ Sư đã vang xa.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, Vua Văn Đế

(Dương Khiêm) rộng tìm kiếm những bậc hiền tài. Sư bèn cùng Thiền sư Đàm Diên đồng vào ngụy quyết, vâng sắc ủy hởi, vua mời Sư đến trụ chùa Thắng Quang. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất (601) đời Tùy, Tả Bộc xạ Ngô Khánh Tắc kính trọng cao hạnh của Sư, vì tấu trình ban sắc đặt biển ngạch chùa. Xây chùa Nhân giác và thỉnh Sư đến ở đó, thiết lễ hậu đãi. Sư nghĩ sâu về gốc khổ, bỏ hết mọi việc trở về nương gá nơi rừng sâu tĩnh lặng. Nhân tại chùa Chí Tướng ở núi Chung nam có Pháp sư Uyên là bậc giải, hạnh đều cao, khắp kinh thành đều suy tôn kính ngưỡng. Sư bèn đến nương theo đó. Đạo vị giảng hồ chẳng mong mà gặp được Nhân đó, Pháp sư Uyên lưu giữ Sư lại cùng ở suốt hai mươi tám năm. Vững lặng cung kính vô sự, chẳng liên quan đến người đời. Nếu có ai thỉnh cầu thì Sư bèn giảng, luận rõ chánh lý. Không ai thỉnh thì Sư yên nghỉ an tâm tu Chỉ Quán. Thế tình nói níu chẳng cậy nơi miệng, trong trắng ngang thẳng tự tu, sáu thời không ngừng nghỉ.

Đến ngày hai mươi tám tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường Sư thị tịch tại chùa Chí Tướng, thọ tám mươi mốt tuổi. Đệ tử Sư là sa-môn Trí Tuệ v.v... nghĩ rằng Sư xa lìa hẳn, cảm ân khó gặp lại, bèn cùng nhau góp nhặt dư thân, đến phía Tây Bắc của chùa, đục vào vách núi làm khám để tôn trí nhục thân Sư ở đó. Lập văn bia ghi chép, như Sư hiện còn.

Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, học hỏi bẩm thừa pháp giáo. Mọi điều dạy răn của ngài Trí Chánh, Sư đều ghi nhớ không sai trái. Còn như các bản sớ giải do ngài Trí Chánh soạn đều do Sư ghi chép. Nên khi ngài Trí Chánh soạn, ngồi thẳng tư duy sâu mầu, thì Sư cầm giấy bút vâng thừa tôn nhan đứng hầu, tùy ngài Trí Chánh nói ra thì Sư bèn ghi trọn đến lúc xong bộ, bèn trải qua nhiều năm. Ban đầu, không được thầy bảo ngời, nên chân Sư bị đau tâm buồn ngủ, bất chợt bị té. Ngài Trí Chánh mắng trách Sư rằng: “Người xưa đứng nhón một chân suốt bảy ngày còn có lưu truyền khen ngợi, nay ông vừa mới đứng mà đủ ngã té, tâm xem thường đến như vậy. Kia đứng một chân rất mực, đâu có thêm được gì”, ngài Trí Chánh giảng các kinh luận Hoa Nghiêm, Nhiếp luận, Lăng-già, Thắng-man, Duy Thức, v.v... chẳng ghi là bao nhiêu biển, soạn Hoa Nghiêm số mười quyển. Ngoài ra đều chẳng ghi chép, lưu hành đầy đủ ở đời.

10- Truyện ngài Thích Tuệ Lăng trụ chùa Tử Kim ở Tương Châu:

Thích Tuệ Lăng, họ Thân Đồ, người ở xứ Tây Long. Lúc Sư còn

trong bào thai thì cha mẹ qua đời, chỉ mình mẹ bồng bế nuôi nấng Sư Tam Tạng Hoài Tuệ, Sư nghĩ muốn nghe pháp, mẹ của Sư thương xót Sư cô khổ, nên cùng theo đến Pháp sư Nhuận ở Tương Dương nghe giảng Tam Luận. Chỉ đối với văn nghĩa mà Sư sâu có sự lãnh giải sâu. Đến năm Sư tám tuổi, Mẹ của Sư lại qua đời! Sư không Thầy chỉ dạy mà tự phát, một mình đi đến chỗ Luật sư Đản chùa Đàn Khê ở Ấp Tây, xin xuất gia.

Năm mười sáu tuổi, Sư đến dưới tòa của Pháp sư Minh ở Mạo Sơn thuộc Kinh Châu, nương ở nghe giảng. Sư hỏi Đại ý của kinh, có lý sâu mâu, Pháp sư Minh gọi Sư vào phòng, suốt ba năm hết lòng chỉ dạy. Và chỉ nêu bày nghĩa “Bất Hữu, Hữu” (chẳng có, có). Sư nhờ nghĩa đó mà hiểu sâu được ý chỉ. Đến cuối đời Tùy, Sư trở về Tương Dương. Sư lại theo Hạo Công ở An Châu đến đất Thục, hễ có giảng pháp thì đều bảo Sư đáp thuật lại. Sư nói năng chất phác, bàn nói lý đi vào sâu mâu. Người đương thời đều gọi Sư là “Đắc Ý Lăng”. Đến lúc Hạo Công bị hạ ngục thì Sư cũng bị trói, thân bị gông cùm nơi huyện Thành đô. Có một tù nhân theo thỉnh Sư giảng Tam luận. Giảng xong năm biển, thì có sắc lệnh phóng thích. Sư lại theo Hạo Công trở về. Khi đã đến An Châu, lương thực đang gặp lúc hiếm quý. Mỗi sáng Sư đến Tùy Châu rảo trong thôn xóm khát thực, chiều tối, Sư lại về đến chỗ Hạo Công và vẫn tham cầu nghe giảng như thường. Qua lại cả ba trăm nhưng rất có sức khỏe, Báo lực của Sư mạnh mẽ, cả đời không hề bệnh hoạn. Học chúng thấy đều suy tôn. Đến lúc Hạo Công sức lực yếu kém, thân bốn đại suy mòn, bèn bảo Sư thay mình giảng Kinh Niết-bàn, thỉnh chúng đều lấy làm lạ về lời giảng của Sư, cho là trái nghịch so với nghĩa của Hạo Công. Khi đó, những vị ngồi ở hàng đầu đều là những bậc tài giỏi, có hơn ba mươi vị cùng đến phó Thủy hơn trăm ngày. Nên Sư chỉ giảng Tam Luận. Khi Hạo Công bệnh tình đã trở nặng, Sư lại trở về An Châu, thường ở nơi phòng Hạo Công, tiếp nối Đại ý Kinh văn, bên ngoài có người nghe ngóng đều cho là Sư nói quàng, bèn thưa với Hạo công rằng: “Tuệ Lăng ở phần đầu Chương hoàn toàn dường như chẳng hiểu. Ngày mai lên giảng, xin ngài xác định lại. Đến khi giảng, Hạo Công bảo: “Ta muốn xác định lại chương đầu, hãy mang kinh ra đây!”. Khi ấy Đại chúng tất cả hai mươi lăm vị mỗi vị đều tụng trình, và đều bảo “Chẳng đúng!” Sau cùng, ngài thuật câu cú. Câu cú tuy khác nhưng đều bảo là “Đắc ý”. Do đó, người chẳng phục cũng không dám khinh. Đến khi Hạo Công sắp tịch, bảo rằng: “Tuệ Lăng lại đây! Nay tôi giao phó tục chúng cuối cùng cho ông. Từ khi tôi giảng pháp đến nay chỉ có mình

ông là người đắc được chỉ thú của kinh.” Hạo Công bèn nắm lấy tay Sư, bảo rằng: “Người giảng dạy phải như đi trên dao kiếm. Chẳng tham lợi dưỡng, chẳng sợ khổ nhọc. Muốn được truyền đèn nối đuốc, thường phải ở nơi chùa núi. Đọc kinh pháp sự phải làm khuôn phép cho mọi vật. Nếu khi vì một người hay lúc chúng đông cũng thế. Được vậy mới xứng đáng là báo đáp Ân phật!”. Lại bảo rằng: “Ta và ông cùng trải qua lắm gian khổ, thời gian chẳng ngắn ít. Chỉ lấy Vô tướng làm gốc, rồi sau mới nói!”. Nói xong thì Hạo Công thị tịch.

Khi chưa được phó chúc, Sư mộng thấy vị Thần chột cả hai mắt. Lại thấy một người mặc áo xanh, tay cầm gương báu tỏa phát ra ánh sáng đến ẩn khả. Tâm Sư đã thọ quyết rồi, suốt cả trăm ngày có tâm luyện mên. Sau Sư trở về Tương Châu, trụ chùa Tử Kim, giảng luận suốt năm năm. Đồ chúng có đến ba trăm vị. Niên hiệu Trinh Quán thứ tám thời Tiền Đường (634) Sư lại trở về Tu-di giảng các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm, Duy-ma, v.v... Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai (638) thời Tiền Đường, Sư mộng thấy chim ưng bay vào chùa, các loài chim khác bay đi, do đó liền tan chúng. Đến lúc Tư Công sư tầm dò xét không được một thứ gì. Tương Vương đến Tương Châu, Phật Pháp Xương Minh hưng thịnh, thỉnh Sư đến trụ chùa Phạm Vân trai giảng nối nhau, kẻ tăng người tục nhóm họp học tập càng mạnh mẽ hơn.

Đến giữa tháng giêng niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, có Pháp Sư Sưởng trụ chùa Cảm Thông bảo rằng: “Mộng thấy Diêm Vương thỉnh Tuệ Lăng giảng Tam Luận. Sương Công giảng Pháp Hoa như thế nào?” Sư nói: Lành thay! Tuệ Lăng tôi xin phát nguyện thường ở nơi địa ngục giáo hóa chúng sinh, Giảng Kinh Đại thừa, đã có điềm lành này, đó là mãn nguyện.” Đến cuối tháng chín năm đó (640) Tương Vương thấy Sư khí lực suy yếu, bèn dâng cúng hai lạng sữa Thiều Châu, ép buộc Sư phải uống. Đêm đó, Sư mộng thấy có một người áo mào đến nói với Sư rằng: “Chớ uống sữa đó, Vua Diêm-la trang nghiêm đạo tràng đã hoàn tất, có nhiều sữa thuốc!” Đến giữa tháng mười, lúc hoàng hôn buông phủ, cảm thấy không được khỏe, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ngũ tạng của ta đã rã hoại, không có chỗ nào đau!”. Đến canh tư, Sư lại ngồi dậy nói với chủ chùa là sa môn Bảo Độ rằng: “Nhớ xưa kia năm mới tám tuổi, đi sang chùa Long Tuyền nhờ Bồ-tát Quán thế Âm, chưa đến chùa Kỳ-xà đã giảng ba biển rõ ràng như trước mắt..!” Sư nói chưa xong thì bên ngoài có tiếng nói lớn: “Pháp Sư hãy sớm dậy đốt hương!”. Kẻ sứ liền đến”, ngài Bảo Độ hỏi:

“Ông là ai?” Sư đáp: “Sứ giả vua Diêm-la đến đón rước”. Sư liền đứng dậy đốt hương, tắm gội, sám hối lễ Phật xong, trở về lại trong phòng già biệt ngài Bảo Độ, ăn cháo chưa xong, Sư bèn lấy “Nhất sinh tứ ký” (Tập riêng ghi mọi việc trong đời mình) đốt bỏ, bảo rằng: “Người khác đọc đến Tư Ký này, không thể thấu đáo đến cùng!”. Đến giờ tiểu thực có mùi thơm lạ bỗng nhiên bay thoảng lại, ngài thâu liễm dung nghi mà thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm ngày mười sáu tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường.

Tặng chúng khắp nơi suốt bảy ngày bảy đêm pháp tập Công Đức. Tương Vương ban tặng năm mươi xấp lụa, đưa tiễn đến núi Phụng Lâm. Kẻ tặng người tục đồng nhóm họp hơn năm trăm vị, khai giảng thiết trai hội trọn ngày mới tan.

11- Truyện ngài Thích Trí Bạt trụ chùa Thường Tế ở Tương Châu:

Thích Trí Bạt, họ Trương, người ở xứ Tương Dương. Thưở nhỏ, Sư trong sáng tỏ ngộ, ưa mến Đạo pháp.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia. Mới đầu làm đệ tử Pháp sư Nhuận. Pháp sư Nhuận trông thấy Sư có khí độ giúp đời, bèn dẫn đến gửi gắm cho Pháp Sư Triết, Pháp Sư Triết cũng là bậc Cao tăng ở Tương Châu, ở Biệt truyện có nói đầy đủ. Ban đầu, Sư tụng kinh Pháp Hoa, mỗi ngày thuộc được năm trang. Nghĩa lý trong kinh, Sư lược hiểu khôn phép, mới tự nghĩ rằng: “Kinh này đại ý nói về Chư Phật ra đời. Mỗi người mỗi Đạo, chẳng mở mang thì không thông. Nguyên trọn nương tựa hành trì, khai ngộ cho người mê mờ, phải nghe mới sâu rộng!”. Nhân có Pháp sư Cát Tạng là bậc thượng đức ở chốn Đế đô, là người nêu lãnh vang khắp bốn biển, là bậc Tông Tượng của ba thừa, Sư bèn tìm đến kính vâng ý chỉ, vui mừng khởi kích Tổ tâm. Đầu đuôi hai biển và bảo Sư đáp thuật. Các bậc tài giỏi mở lời không gì chẳng loạn vết. Ngài Cát Tạng đích thân đến tòa. Sư hỏi đại chúng rằng: “Nhất thừa là mây, được chia làm ba, cũng có thể Nhất thừa là mưa, chia làm ba được chăng?” Cả Đại chúng không ai dám đáp, Ngài Cát tạng bảo rằng: “Trí Bạt! Câu hỏi ấy của ông được ý chỉ sâu.” Và bèn căn dặn: “Đại pháp hẩn ở nơi cơ duyên!”.

Từ đó, Sư trở về Tương Dương, gặp lúc giặc đã nhiễu loạn, không thể nào giảng dạy. Ban ngày Sư ẩn tàng, đêm đến mới nằm ôn văn nghĩa. Sau, gặp lúc trở lại thời thanh bình, Sư bèn ở chùa Kỳ-xà, và thường ở tại chùa Thường Tế, giảng Kinh Pháp Hoa mỗi năm năm biển. Sư có đệ tử

là Sa-môn Pháp Trường là bậc hậu sinh đỉnh ngộ, hiện ở tại chùa Phạm Văn, hướng dẫn Đồ Chúng, thừa tiếp Đạo nghiệp.

Đến ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường. Sư đến ở nhà Cư Sĩ Trương Anh, sớm nhóm họp nêu dựng nghĩa. Khai giảng tựa đề Kinh Pháp Hoa. Có người hỏi: “Nay xưa mở lớp yếu chỉ của ba, một.” Sư đối đáp như gió vang theo tiếng, giải ngộ khai mở tâm người đương thời. Sư nói với Pháp sư Tuệ Lăng rằng: “Trí Bạt tôi đã đáp xong lời hỏi vặn của Tu-di, tất cả đều là thần tuấn.” Sư bèn vào thôn ấp khắp tám phương già biệt cùng các vị Đại đức Đàn Việt. Mọi người khi ấy chẳng lường biết được lời nói của Sư, Sư liền im lặng, vội đến xét xem, thì Sư đã thị tịch. Kẻ tăng người tục khắp nơi thấy đều buồn than, nhan mạo hình trạng Sư vẫn như lúc thường, Sư ngồi kiết già trang nghiêm ngay thẳng. Tương Vương tự thân đến đốt hương cúng dường, ban tặng mọi vật, có đến cả trăm, thiết trai cúng dường năm ngàn vị tăng tại nơi tháp mộ Ngài. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Du trụ chùa Ngọc Tuyền ở Kinh Châu:

Thích Tuệ Du, họ Sâm. Thưở nhỏ, Sư cô quạnh túng quẩn. Năm ba tuổi, cha mẹ Sư đều qua đời, Sư bèn được người cậu nuôi dưỡng.

Năm năm tuổi, Sư theo ông ngoại đến chùa Trường Sa nghe giảng, nhìn thấy tôn tượng Phật Sư bèn rơi lệ khóc than luyến mến chẳng chịu trở về nhà, bèn ở lại chùa đó làm Đệ tử Pháp sư Cứu Khổ. Ngài Cứu Khổ bảo Sư tụng đọc Kinh Đại Phẩm. Trong vòng năm mươi ngày Sư đã thông rành trọn bộ. Sau, Sư lại nghe giảng về Tam luận, Đại Phẩm, thấy được Tông lãnh, hễ có hành văn thì quán dụng sáng tỏ.

Đến lúc gặp nạn, Sư bèn vào chùa núi Ngọc Tuyền, cạnh chùa có dòng suối, Sư lập am tranh mà yên ở suốt ba mươi ba năm. Mới đầu không tạm rời, Sư quán xét tâm thuần tịnh, chưa thể nói thấy, lúc thần suối phụng cúng hoặc thấy nghe một con rắn đen thân dài đến hai trượng, ẩn hiển hiện thân như có vẻ gìn giữ, quân giặc tuy đến nhưng không dám tới gần. Có Lão giặc Trương Hách Già là người mạnh mẽ hung tợn không ai bằng, dẫn cùng mười tên giặc trên tay cầm hai cây dao muốn giết hại con rắn ấy. Cách chừng hai trăm bước, rắn bèn giương mắt phát ra ánh sáng, bọn giặc đi theo đều té ngã, qua hai ngày sau, Sư nghe biết bèn đến cứu thì bảy người đã chết. Rắn đi chung với Sư, Sư vì trì tụng Kinh Đại Phẩm, chú Đại Minh xong, ba người còn lại

mới sống. Từ đó, khắp bốn phương xa, mọi người nghe được Đạo phong của Sư bèn đến cúng dường đông đảo.

Niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, kẻ tăng người tục ở Kinh Châu thỉnh Sư đến trụ chùa Thắng Quang giảng Tam luận, Kinh Đại Phẩm, khai hóa cho những người chưa nghe, Phật pháp nhờ đó được hưng thịnh.

Đến ngày hai mươi ba tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, mọi người trong chùa đều trông thấy nhiều ánh sao rơi xuống giếng, không ai lường biết được nguyên do. Qua ngày mười bảy tháng tám năm đó (640), Sư giảng Kinh Đại Phẩm, đến phần văn vãng sinh chưa xong, tay Sư cầm hạt châu như ý, ngồi trên tòa mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi.

13- Truyện ngài Thích Tuệ Trì trụ chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu:

Thích Tuệ Trì, họ Chu, người ở xứ Nhữ Nam. Đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy. Cha của Sư làm Thái thú Dự Chương, nhân đó mà sinh ra Sư. Thuở thiếu thời, cơ mạo Sư cung kính đẹp đẽ, dáng dấp khoan thai. Những nơi Sư đi ở, mọi người đều ưa thích gặp gỡ trò chuyện với Sư. Sư vân du khắp các nơi nổi tiếng, dùng giáo chánh pháp giáo hóa.

Đầu tiên Sư đến chùa Khai Thiện ở Đôn Dương, xin xuất gia làm Sa-di, làm Đệ tử Pháp sư Mãn. Pháp sư Mãn bảo Sư tụng Kinh Đại Phẩm, mỗi ngày Sư thuộc lòng đến năm trang. Kinh ấy tuy dễ tụng nhưng khó trì. Mà Sư có khả năng nhớ nhận Văn cú không sai lầm, Người đương thời đồng ngợi khen. Năm hai mươi tuổi, Sư đăng đàn thọ giới cụ túc. Thân Sư cao đến bảy thước, sắc tướng sáng đẹp hùng vĩ. Sư gìn giữ oai dung, chẳng liếc ngó bậy bạ, nên người đời lại gọi Sư là “Tượng Vương Trì”. Sư nghe Pháp sư Trang ở chùa Đông Ấn giảng pháp, lại nghe Pháp sư Thật- người xứ Cao-ly giảng về Tam luận, tham cứu cùng cực. Môn học cao rộng. Sư lại giỏi về Lão trang Dịch Sử, tiếp đến là Đàm huyền, gửi lời pháp lý. Có Việt Công Dương Tố trị vì binh lính ở Hoài Hải, nghe Đạo phong của Sư mà đến xét xem, ngợi khen sự giác ngộ trong chúng sinh của Sư rằng: “Đây mới thật là vị Tăng không ai sánh bằng!”

Đến cuối đời Tùy, Sư lánh nạn, sang trụ chùa Hoằng Đạo ở Việt Châu, thường giảng về Tam luận, Kinh Đại Phẩm, Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Trang Lão, suốt nhiều năm không dừng nghỉ. Sư lập chí vững chắc thanh bạch. Sư viết lách rất nổi tiếng, gần ba mươi năm

không ra khỏi cửa chùa. Sư thường ngồi kiết già, không nằm, siêng năng mãi đến lúc thị tịch.

Đến sáng sớm ngày hai mươi ba tháng tám niên hiệu Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Sư bảo với đệ tử rằng: “Ta muốn đi nơi khác để hoằng hóa, hãy mau làm thức ăn.” Đến ba lần, trước khi ăn Sư trở về phòng, ngồi kiết già trên giường dây, kiểm thức dung nghi mà thị tịch. Các đệ tử cho là Sư đang nhập định, suốt ba ngày vẫn để tự nhiên như vậy. Có Thừa Đỗ Phục Hộ ở Cối Kê là người ăn chay trường trong sạch, y theo lệ thường đến tham bái, nghe có mùi thơm khác lạ, nên biết Sư thị tịch đã lâu. Sư ngồi kiết già an nhiên, duỗi ra không được. Mới để ngồi mà tiền đưa đến núi Đại Võ. Từ các Hàng Đô đốc trở xuống, kẻ tăng người tục có hơn vạn vị, buồn than cùng khen ngợi đồng đến chỗ tắm liệm. Sư thọ sáu mươi tám tuổi.

14- Truyện ngài Thích Trí Khải trụ chùa Cát Tường ở Việt Châu:

Thích Trí Khải, họ Phùng, người ở xứ Đơn Dương. Cha của Sư mất sớm. Năm sáu tuổi, Sư nghe Pháp sư Cát Tạng giảng phẩm Hỏa Trạch (nhà lửa) Kinh Pháp Hoa. Đêm về, Sư nói với mẹ rằng: “Trong kinh nói nhà lửa, tức là chỉ cho thân ta, nếu ta là nhà lửa thì ta sẽ thiêu đốt người, đã là không thiêu đốt thì rõ biết là vô ngã!”. Suốt đêm tới sáng, Sư bèn đến chỗ Pháp sư Cát Tạng xin xuất gia. Vì Sư da đen nên mọi người gọi Sư là “Ô Khải”.

Năm mười ba tuổi, Sư cất giữ kinh luận phóng đạt của ngài Cát Tạng, luận bàn đều chẳng câu nệ kiểm ước. Ngài theo ngài Cát Tạng đến trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê. Môn nhân đều là những vị tài giỏi nhưng chẳng dám lấy làm cao. Đến lúc ngài Cát Tạng vào kinh đô, Sư liền trở về chùa Tĩnh Lâm, nhóm chúng thường giảng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ bảy (624) thời Tiền Đường, Sư lập giảng hội ở Huyện Diêm, thính chúng dự nghe có năm trăm vị. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường, Sư đến chùa Tiểu Long Tuyền ở huyện Dư Diêu, thường giảng Tam luận và Kinh Đại Phẩm, v.v... Sư phát thệ nguyện chẳng ra khỏi chùa, lưng không dính chiếu, chẳng thọ nhận cúng thí, tự Tăng mà thôi. Phíasau điện Phật tự nhiên có một cái hồ, Sư liền nói: “Chỉ uống nước hồ này cho đến chết! Ngài tánh tình nhân từ, nói năng cứng rắn. Bấy giờ, phong tục của đất Việt thường vất bỏ chó con, Sư nghe mà xót thương, bèn bảo gom nhặt về có cả ba mươi con, năm mươi con, thường nuôi dưỡng, đắp chăn cho chúng nằm ngủ, Sư chẳng nệ hà dơ bẩn.

Đến niên hiệu Trinh quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Tề Bộ Đốc thỉnh Sư ra trụ chùa Gia Tường, thỉnh giảng Tam luận. Các hàng nghĩa học ở bốn phương có hơn tám trăm vị, các hàng Quan liêu dân thứ trên dưới đều nường thời vây quanh đến, để làm hưng hiển suốt hơn trăm ngày. Mỗi ngày bàn luận với mười vị. Sư đối đáp thản nhiên, tiêu tan tất cả không vướng mắc. Mới bắt đầu đi, cái hồ nhỏ ở chùa Long Tuyền liền khô cạn, Sư nghe mà than rằng: “Hồ khô cạn, mất thức ăn, ta không trở về!”.

Đến ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Trinh quán thứ hai mươi (646) thời Tiền Đường, Sư vẫn y như thường lệ lên pháp tòa. Tay cầm râu chuỗi như ý, im lặng không nói. Đến xem xét thì Sư đã thị tịch, bèn thiết bày thêm tòa rước đến núi Đại Võ, cúng dường suốt bảy ngày, thường có mùi thơm lạ. Châu Tể tự kiểm xét, bèn phát tín tâm vững chắc, bèn xây ngôi tháp cao bảy tầng để khen ngợi Đức hạnh của Sư.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
(Quyển 14 hết).